

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 01 năm 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chăm Văn Tổ
- Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản V M, xã Ch V, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Hà Thị B, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản V M, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Văn H trình bày như sau:

Anh và chị Hà Thị B kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn vào ngày 04/01/2017 và được hai bên gia đình tổ

chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị B không chung thủy với anh vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù hai bên gia đình cũng hòa giải khuyên bảo cho anh chị nhưng không thành. Đến tháng 7/2024 chị B đã tự bỏ đi làm và không biết đi làm ở đâu, anh chị cũng đã sống ly thân từ đó đến nay, chị B cũng chỉ thỉnh thoảng gọi điện về cho con nhưng không nói làm ở chỗ nào. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị B, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lường Thảo Vy, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Lường Gia Huy, sinh ngày 16/08/2018. Trong thời gian chị B bỏ đi làm anh là người nuôi dưỡng các con chị B cũng không gửi tiền về phụ giúp anh nuôi con. Nay ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con và không đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn chị Hà Thị B về địa chỉ Bản Vuông Mè, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn (nơi cư trú của vợ chồng). Qua xác minh, xác định chị Hà Thị B vắng mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án đã tiến hành các biện pháp niêm yết các thủ văn bản tố tụng cho chị B tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu của chị B.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng tại ban quản lý bản và đại diện gia đình anh H. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lường Văn H và chị Hà Thị B. Về con chung: Giao cháu Lường Thảo Vy, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Lường Gia Huy, sinh ngày 16/08/2018 cho anh Lường Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí do là người dân tộc cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Lường Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Hà Thị B có địa chỉ tại: Bản Vuông Mè, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh với gia đình bị đơn xác định chị Hà Thị B đã biết được nội dung anh H xin ly hôn tại Tòa án nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án, không cung cấp chính xác địa chỉ nơi ở. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lường Văn H và chị Hà Thị B.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lường Văn H và chị Hà Thị B tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2017, anh chị đã được UBND xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2017. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Anh H cho rằng nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, chị B không chung thủy với anh, vợ chồng xảy ra cãi vã, chị B đã tự ý bỏ đi làm. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị B và có nguyện vọng xin ly hôn. Qua xác minh tại ban quản lý bản Vuông Mè, xã Chiềng Ve cho biết: chị B và anh H kết hôn với nhau vào năm 2017 sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại bản Vuông Mè, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đến đầu năm 2024 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng ghen tuông nhau vì vậy chị B đã bỏ đi làm. Đối với việc anh H có đơn xin ly hôn, chị B cũng đã biết được thông qua gia đình và anh H gọi điện trực tiếp cho chị B nói về việc xin ly hôn, chị B nói là đồng ý ly hôn nhưng không xin nghỉ để về được vì chị mới xin đi làm nhưng không nói rõ đang đi làm ở đâu. Về con chung, anh H chị B có 02 chung là cháu Lường Thảo Vi và Lường Gia Huy từ khi vợ chồng sống ly thân hai con ở với anh H. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lường Văn H, xử cho anh H được ly hôn với chị Hà Thị B.

[2.2] *Về con chung:* Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ xác định, anh H và chị B có 02 con chung là cháu Lường Thảo Vy, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Lường Gia Huy, sinh ngày 16/08/2018. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Vy có nguyện vọng được ở cùng bố. Anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Qua xác minh xác định hiện chị B vắng mặt tại địa phương, không biết chính xác địa chỉ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về con chung, giao cháu Lường Thảo Vy, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Lường Gia Huy, sinh ngày 16/08/2018 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Kết quả xác minh trùng với lời khai của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[2.4] *Về án phí:* Anh Lường Văn H là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, cần miễn án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lường Văn H và chị Hà Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Thảo Vy, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Lường Gia Huy, sinh ngày 16/08/2018 cho anh Lường Văn H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chấp nhận việc anh H không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, chị B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị B được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh H.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tênh

